

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VẬT TƯ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

CÔNG TY

16
64
0.
0.

Hà Nội, tháng 3 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Anh Tấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Ngô Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Phượng	Thành viên
Ông Tạ Minh Hòa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Anh Tấn	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Minh Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Phú	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phương Thơm	Trưởng ban
Ông Ngô Văn Thức	Thành viên
Bà Phạm Thị Kiều Diễm	Thành viên

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2019 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Triệu Thị Thu.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Anh Tân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Số: 109/2020/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 29 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2020

Lê Quang Nghĩa

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2017-112-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.749.316.203	34.521.789.216
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	9.594.728.701	15.206.453.452
Tiền	111		9.594.728.701	15.206.453.452
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.740.395.663	10.755.385.456
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	6.956.361.468	10.893.864.731
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	2.053.243.716	130.730.246
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5	(269.209.521)	(269.209.521)
Hàng tồn kho	140	7	11.379.614.200	8.552.471.217
Hàng tồn kho	141		11.379.614.200	8.552.471.217
Tài sản ngắn hạn khác	150		34.577.639	7.479.091
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	34.577.639	7.479.091
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.007.763.747	7.351.466.705
Tài sản cố định	220		6.758.601.634	6.351.441.519
Tài sản cố định hữu hình	221	10	6.758.601.634	6.351.441.519
- Nguyên giá	222		26.343.261.564	24.916.271.690
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.584.659.930)	(18.564.830.171)
Tài sản dở dang dài hạn	240	8	-	521.293.938
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	521.293.938
Tài sản dài hạn khác	260		249.162.113	478.731.248
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	249.162.113	478.731.248
TỔNG TÀI SẢN	270		36.757.079.950	41.873.255.921

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		13.514.304.982	18.567.304.511
Nợ ngắn hạn	310		13.514.304.982	18.567.304.511
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	2.686.311.802	6.256.889.326
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		247.673.296	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.852.352.989	2.217.669.326
Phải trả người lao động	314		27.371.400	530.691.033
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	90.044.310	58.251.157
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	29.250.000	2.045.454
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	465.520.763	229.644.113
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11	8.019.602.000	9.243.425.107
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		96.178.422	28.688.995
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.242.774.968	23.305.951.410
Vốn chủ sở hữu	410	17	23.242.774.968	23.305.951.410
Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	22.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.000.000.000	22.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		759.958.731	759.958.731
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		482.816.237	545.992.679
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.503.252	545.992.679
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		449.312.985	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		36.757.079.950	41.873.255.921

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Phạm Kim Chi

Kế toán trưởng



Triệu Thị Thu

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Tân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	44.434.007.095	47.078.250.981
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	-	57.935.060
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44.434.007.095	47.020.315.921
Giá vốn hàng bán	11	20	33.055.380.729	34.431.745.387
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.378.626.366	12.588.570.534
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	22.333.413	6.640.180
Chi phí tài chính	22	22	552.237.070	281.704.926
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		552.237.070	281.704.926
Chi phí bán hàng	25	25	3.027.328.097	3.494.237.980
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	7.086.460.106	8.163.895.821
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		734.934.506	655.371.987
Thu nhập khác	31	23	-	23.572.500
Chi phí khác	32	24	115.540.820	61.303.733
Lợi nhuận khác	40		(115.540.820)	(37.731.233)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		619.393.686	617.640.754
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	170.080.701	144.137.502
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		449.312.985	473.503.252
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	204	182
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	204	182

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Phạm Kim Chi

Kế toán trưởng



Triệu Thị Thu

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Tấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		619.393.686	617.640.754
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.019.829.759	1.093.199.077
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(22.333.413)	(6.640.180)
Chi phí lãi vay	06		552.237.070	281.704.926
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.169.127.102	1.985.904.577
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09		2.025.703.492	(3.589.416.163)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(2.827.142.983)	2.627.583.585
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.997.531.095)	5.366.333.317
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12		202.470.587	(19.743.932)
Tiền lãi vay đã trả	14		(546.355.617)	(273.374.846)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(121.599.408)	(31.859.220)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.000.000)	(330.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.100.327.922)	5.735.427.318
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(905.695.936)	(459.177.088)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.619.714	6.640.180
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(894.076.222)	(452.536.908)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		16.720.874.510	12.767.559.977
Tiền trả nợ gốc vay	34		(17.944.697.617)	(3.764.805.190)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(393.497.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.617.320.607)	9.002.754.787
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.611.724.751)	14.285.645.197
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	15.206.453.452	920.808.255
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	9.594.728.701	15.206.453.452

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Phạm Kim Chi

Kế toán trưởng



Triệu Thị Thu



Hoàng Anh Tấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư là doanh nghiệp được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước – Xí nghiệp Cơ điện Vật tư theo Quyết định số 97/QĐ-BCN ngày 23 tháng 09 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Cơ điện Vật tư thành Công ty Cổ phần và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100417-030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 06 năm 2005 được đăng ký thay đổi lần 6 ngày 09 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 508, đường Hà Huy Tập, Thị Trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 22.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng)*.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 58 người (tại ngày 31/12/2018 là 62 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGHÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Kinh doanh, cung ứng, bảo quản vật tư thiết bị, xăng dầu và nguyên vật liệu sản xuất;
- Sửa chữa, cải tạo phục hồi và chế tạo máy biến áp lực;
- Xây lắp, sửa chữa các công trình điện đến cấp điện áp 220KV;
- Cho thuê văn phòng, kho, xưởng.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Tài sản cố định khác	10

Công ty ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.7 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản Chi phí lãi vay phải trả, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải trả, trích trước chi phí tiền điện là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.10 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước về thuê tài sản: là số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu/các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá là dây cáp điện, cung cấp dịch vụ sửa chữa máy biến áp,...

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP THEO)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất 10% đối với doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp dịch vụ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả số dư và giao dịch với bên liên quan trong năm 2019 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Riêng Báo cáo bộ phận theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.430.242.406	352.072.921
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.164.486.295	14.854.380.531
	9.594.728.701	15.206.453.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
	6.956.361.468	(269.209.521)	10.893.864.731	(269.209.521)
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	2.503.621.502	-	2.374.469.617	-
- Công ty Điện lực Hòa Bình	844.175.059	-	2.510.178.477	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Tân Việt	607.355.603	-	1.002.432.824	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp Điện máy Hà Tây	3.001.209.304	(269.209.521)	5.006.783.813	(269.209.521)
- Các đối tượng khác	6.956.361.468	(269.209.521)	10.893.864.731	(269.209.521)

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
	2.053.243.716	-	130.730.246	-
Ngắn hạn	239.057.000	-	-	-
- Tạm ứng	1.793.296.998	-	92.158.289	-
- Ký cược, ký quỹ	10.713.699	-	-	-
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	10.176.019	-	38.571.957	-
- Phải thu khác	2.053.243.716	-	130.730.246	-
Cộng				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.704.614.088	-	3.509.015.363	-
Công cụ, dụng cụ	19.180.000	-	1.000.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.416.203.522	-	1.181.238.810	-
Thành phẩm	2.317.964.359	-	3.678.790.918	-
Hàng hóa	921.652.231	-	182.426.126	-
	11.379.614.200	-	8.552.471.217	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	-	521.293.938
- Sửa chữa lớn TSCĐ	-	521.293.938
	<u>-</u>	<u>521.293.938</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	34.577.639	7.479.091
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	34.577.639	7.479.091
Dài hạn	249.162.113	478.731.248
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	249.162.113	478.731.248
	<u>283.739.752</u>	<u>486.210.339</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2019	14.870.092.860	6.606.480.934	2.376.111.838	510.474.424	553.111.634	24.916.271.690
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	897.751.536	529.238.338	-	-	-	1.426.989.874
31/12/2019	<u>15.767.844.396</u>	<u>7.135.719.272</u>	<u>2.376.111.838</u>	<u>510.474.424</u>	<u>553.111.634</u>	<u>26.343.261.564</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2019	(9.867.233.889)	(5.443.155.767)	(2.236.854.457)	(464.474.424)	(553.111.634)	(18.564.830.171)
- Khấu hao trong năm	(503.592.359)	(422.660.644)	(84.376.752)	(9.200.004)	-	(1.019.829.759)
31/12/2019	<u>(10.370.826.248)</u>	<u>(5.865.816.411)</u>	<u>(2.321.231.209)</u>	<u>(473.674.428)</u>	<u>(553.111.634)</u>	<u>(19.584.659.930)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2019	5.002.858.971	1.163.325.167	139.257.381	46.000.000	-	6.351.441.519
31/12/2019	<u>5.397.018.148</u>	<u>1.269.902.861</u>	<u>54.880.629</u>	<u>36.799.996</u>	<u>-</u>	<u>6.758.601.634</u>

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là: 4.681.033.802 đồng (tại ngày 31/12/2018 là: 5.983.513.302 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	8.019.602.000	8.019.602.000	16.720.874.510	17.944.697.617
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long (1)	7.519.602.000	7.519.602.000	16.220.874.510	17.944.697.617
- Ông Hoàng Thanh Hải (2)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-
Cộng	8.019.602.000	8.019.602.000	16.720.874.510	17.944.697.617
			9.243.425.107	9.243.425.107
				Số có khả năng trả nợ

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 31594.19.054.2649423.TD ký ngày 16/08/2019

- Hạn mức cấp tín dụng là 12.500.000.000 đồng;

- Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: đến ngày 18/07/2020;

- Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động thương mại, gia công thiết bị điện của Công ty;

- Lãi suất cho vay: Theo từng lần bán nhận nợ;

- Thời hạn trả nợ gốc: Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng kể từ ngày được cấp tín dụng;

- Thời hạn trả lãi vay: Trả lãi vay tại thời điểm ngày cuối cùng của kỳ tính lãi;

- Biện pháp đảm bảo: Hàng hóa từ Hợp đồng đầu vào Quyền đòi nợ hình thành từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư và khách hàng.

(2) Khoản vay cá nhân với thời hạn 1 năm, mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất vay 5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.686.311.802	2.686.311.802	6.256.889.326	6.256.889.326
- Công ty TNHH 3H Vinacom	720.755.200	720.755.200	195.250.000	195.250.000
- Công ty TNHH Chế biến lâm sản xuất nhập khẩu Thu Tân	364.532.500	364.532.500	-	-
- Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Vận tải Minh Đức	398.640.000	398.640.000	-	-
- Công ty Cổ phần Vina Electric	417.592.800	417.592.800	-	-
- Công ty Cổ phần Cấp điện Tự Cường	784.791.302	784.791.302	4.195.099.786	4.195.099.786
- Các đối tượng khác			1.866.539.540	1.866.539.540
Cộng	2.686.311.802	2.686.311.802	6.256.889.326	6.256.889.326

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2019		Số phải nợ trong năm VND		Số đã thực nộp trong năm VND		31/12/2019	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	825.217.206		985.462.559		1.772.252.909		38.426.856	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	121.599.408		170.080.701		121.599.408		170.080.701	
- Thuế thu nhập cá nhân	32.103.542		119.777.064		102.654.967		49.225.639	
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	1.238.749.170		3.275.241.320		2.919.370.697		1.594.619.793	
- Các loại thuế khác	-		3.000.000		3.000.000		-	
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		77.740.820		77.740.820		-	
	2.217.669.326		4.631.302.464		4.996.618.801		1.852.352.989	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	90.044.310	58.251.157
- Trích trước chi phí bảo vệ, tiền điện	74.972.682	49.640.844
- Lãi vay phải trả	15.071.628	8.610.313
Cộng	90.044.310	58.251.157

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	465.520.763	229.644.113
- Kinh phí công đoàn	13.238.024	16.710.127
- Bảo hiểm xã hội	-	54.032.525
- Bảo hiểm y tế	-	9.534.219
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	4.322.602
- Nhận ký quỹ, ký cược	93.340.000	63.340.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	358.942.739	81.704.640
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>124.942.739</i>	<i>78.440.239</i>
+ <i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>234.000.000</i>	<i>3.264.401</i>
	465.520.763	229.644.113

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	29.250.000	2.045.454
- Doanh thu nhận trước cho thuê kho	29.250.000	2.045.454
	29.250.000	2.045.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2018	22.000.000.000	1.569.955.145	122.489.427	23.692.444.572
- Lãi trong năm trước	-	-	473.503.252	473.503.252
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
- Giảm khác	-	(809.996.414)	-	(809.996.414)
31/12/2018	22.000.000.000	759.958.731	545.992.679	23.305.951.410
01/01/2019	22.000.000.000	759.958.731	545.992.679	23.305.951.410
- Lãi trong năm nay	-	-	449.312.985	449.312.985
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(512.489.427)	(512.489.427)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(72.489.427)	(72.489.427)
+ Chia cổ tức	-	-	(440.000.000)	(440.000.000)
31/12/2019	22.000.000.000	759.958.731	482.816.237	23.242.774.968

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 15/2019/NQ-DHĐCĐ ngày 26/04/2019 của Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Bà Quản Thị Thìn	2.787.000.000	2.787.000.000
- Bà Hoàng Kim Huế	2.786.700.000	2.786.700.000
- Bà Trần Thị Du	2.786.430.000	2.786.430.000
- Bà Ngô Thị Tuyết	2.786.700.000	2.786.700.000
- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng	2.786.970.000	2.786.970.000
- Ông Ngô Văn Hùng	2.290.000.000	2.290.000.000
- Các cổ đông khác	5.776.200.000	5.776.200.000
	22.000.000.000	22.000.000.000

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	22.000.000.000	22.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	22.000.000.000	22.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	22.000.000.000	22.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	512.489.427	50.000.000

17.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.200.000	2.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.200.000	2.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.200.000	2.200.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

17.5 CÁC QUỸ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	759.958.731	759.958.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu	44.434.007.095	47.078.250.981
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	36.784.155.688	28.552.515.107
- Doanh thu sửa chữa Máy biến áp và thí nghiệm điện	1.647.544.934	12.260.843.321
- Doanh thu khác	6.002.306.473	6.264.892.553
	44.434.007.095	47.078.250.981

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	57.935.060
	-	57.935.060

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	29.541.601.128	23.799.948.635
- Giá vốn sửa chữa Máy biến áp và thí nghiệm điện	1.425.420.796	9.370.725.604
- Giá vốn khác	2.088.358.805	1.261.071.148
	33.055.380.729	34.431.745.387

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Lãi tiền gửi	22.333.413	6.640.180
	22.333.413	6.640.180

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi phí lãi vay	552.237.070	281.704.926
	552.237.070	281.704.926

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Thu nhập khác	-	23.572.500
	<u>-</u>	<u>23.572.500</u>

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi nộp phạt	115.540.820	27.052.671
- Các khoản chi phí khác	-	34.251.062
	<u>115.540.820</u>	<u>61.303.733</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	7.086.460.106	8.163.895.821
- Chi phí nhân viên quản lý	4.499.104.909	4.045.574.406
- Chi phí vật liệu quản lý	222.580.700	262.856.969
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	236.534.820	280.338.659
- Thuế, phí và lệ phí	606.591.150	1.864.252.930
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.716.415	958.283.200
- Chi phí bằng tiền khác	1.332.932.112	752.589.657
Các khoản chi phí bán hàng	3.027.328.097	3.494.237.980
- Chi phí nhân viên	640.646.301	318.568.108
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	24.351.374	11.889.413
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.807.693.803	2.203.842.415
- Chi phí bằng tiền khác	554.636.619	959.938.044
	<u>10.113.788.203</u>	<u>11.658.133.801</u>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	20.942.947.643	15.015.389.882
- Chi phí nhân công	6.359.741.931	6.331.401.078
- Khấu hao tài sản cố định	1.019.829.759	1.093.199.077
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.736.096.028	4.583.507.153
- Chi phí bằng tiền khác	3.988.184.855	4.525.597.103
	<u>35.046.800.216</u>	<u>31.549.094.293</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	619.393.686	617.640.754
Các khoản chi phí không được trừ	231.009.820	103.046.756
- Các khoản chi phí (phạt)	115.540.820	27.052.671
- Chi phí không hợp lý khác	115.469.000	75.994.085
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	850.403.506	720.687.510
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	170.080.701	144.137.502
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	170.080.701	144.137.502

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ	449.312.985	473.503.252
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	72.489.427
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	2.200.000	2.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	204	182

(*) Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính năm 2019 chưa có số liệu để trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019. Số liệu trích lập sẽ căn cứ vào nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 15/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2019.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

30. SỐ TIỀN ĐI VAY THỰC THU TRONG NĂM

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	16.720.874.510	12.767.559.977
	16.720.874.510	12.767.559.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. SỐ TIỀN ĐÃ THỰC TRẢ GỐC VAY TRONG NĂM

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả gốc vay theo kế ước thông thường	17.944.697.617	3.764.805.190
	<u>17.944.697.617</u>	<u>3.764.805.190</u>

32. THÔNG TIN KHÁC

32.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát		
Tiền lương, thưởng	924.549.870	852.700.520
	<u>924.549.870</u>	<u>852.700.520</u>

32.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Phạm Kim Chi

Kế toán trưởng

Triệu Thị Thu



Tổng Giám đốc

Hoàng Anh Tấn